

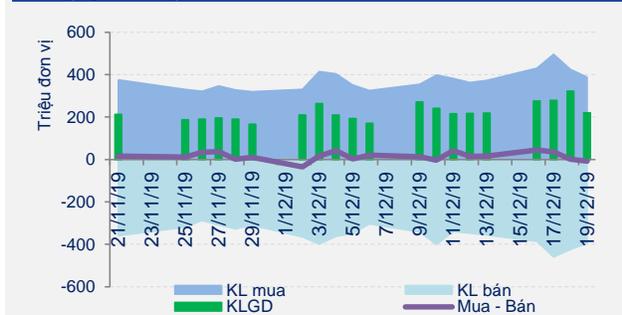
# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 19/12/19

| Thống kê thị trường | HOSE        | HNX        |
|---------------------|-------------|------------|
| Index               | 952.26      | 102.00     |
| % Thay đổi          | ↑ 0.12%     | ↑ 0.20%    |
| KLGD (CP)           | 219,466,625 | 27,140,308 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 4,042.98    | 280.96     |
| Tổng cung (CP)      | 395,987,910 | 47,614,500 |
| Tổng cầu (CP)       | 388,061,510 | 44,616,900 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE       | HNX     |
|-------------------|------------|---------|
| KL bán (CP)       | 17,859,860 | 771,150 |
| KL mua (CP)       | 23,446,680 | 550,880 |
| GTmua (tỷ đồng)   | 833.09     | 2.23    |
| GT bán (tỷ đồng)  | 639.71     | 5.80    |
| GT ròng (tỷ đồng) | 193.38     | (3.57)  |

## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



| Ngành Cấp 1         | % thay đổi | P/E  | P/B | %GTGD  |
|---------------------|------------|------|-----|--------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 0.15%    | 12.5 | 2.5 | 2.3%   |
| Công nghiệp         | ↓ -0.46%   | 14.1 | 2.8 | 34.3%  |
| Dầu khí             | ↑ 0.25%    | 19.0 | 2.0 | 1.1%   |
| Dịch vụ Tiêu dùng   | ↓ -1.28%   | 16.2 | 4.3 | 3.3%   |
| Dược phẩm và Y tế   | ↓ -0.44%   | 13.9 | 2.5 | 1.2%   |
| Hàng Tiêu dùng      | ↑ 0.41%    | 18.5 | 5.2 | 7.7%   |
| Ngân hàng           | ↑ 0.59%    | 11.3 | 2.3 | 20.6%  |
| Nguyên vật liệu     | ↓ -1.68%   | 12.9 | 1.6 | 13.5%  |
| Tài chính           | ↓ -0.89%   | 20.5 | 3.9 | 13.6%  |
| Tiện ích Cộng đồng  | ↓ -1.61%   | 13.7 | 2.8 | 2.3%   |
| VN - Index          | ↑ 0.12%    | 15.6 | 3.6 | 117.4% |
| HNX - Index         | ↑ 0.20%    | 9.1  | 1.6 | -17.4% |

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục nhẹ sau bốn phiên giảm điểm liên tiếp với việc ngưỡng hỗ trợ 950 điểm được giữ vững. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 1,13 điểm (+0,12%) lên 952,26 điểm; HNX-Index tăng 0,2 điểm (+0,2%) lên 102 điểm. Giá trị giao dịch trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 4.632 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch là 249 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 1.408 tỷ đồng. Độ rộng thị trường nghiêng nhẹ về tích cực với 246 mã tăng, 111 mã giảm, 226 mã giảm. Thị trường giảm nhẹ vào đầu phiên sáng, nhưng lực cầu bắt đáy gia tăng sau đó đã giúp các chỉ số đồng loạt lấy lại sắc xanh và đóng cửa trên ngưỡng tham chiếu. Nhóm cổ phiếu trụ cột có sự phân hóa mạnh trong phiên hôm nay với bên tăng giá là các mã như VCB (+1,5%), VNM (+0,9%), HVN (+2,7%), BID (+0,5%), VRE (+1,4%), HPG (+1,1%), POW (+0,8%), FPT (+0,5%), NVL (+0,2%)... và bên giảm giá có thể kể đến như TCB (-1,5%), BVH (-2,1%), MSN (-1,4%), MBB (-1,4%), EIB (-2,1%), HDB (-0,9%), PLX (-0,4%), VPB (-0,3%), VJC (-0,1%)... Nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng có sự phân hóa mạnh với việc các mã SSI (-1,6%), HCM (-1,8%), APG (-1%)... giảm và các mã TVC (+1,7%), VND (+0,3%), TVB (+2,2%), MBS (+7%), AGR (+2,1%)... lại tăng giá khá tốt.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay, qua đó chấm dứt chuỗi bốn phiên giảm điểm liên tiếp. Ngưỡng hỗ trợ 950 điểm tiếp tục được giữ vững. Mẫu hình nền của VN-Index trong phiên hôm nay là dạng con xoay (spinning top) với phần thân nền nhỏ và bóng nền dài cho thấy một sự giằng co cung cầu khá dữ dội nhưng có sự cân bằng trong vùng giá hiện tại. Theo đó, VN-Index tiếp tục biến động trong vùng tích lũy hẹp trong khoảng 950-970 điểm trong hơn hai tuần trở lại đây. Phiên giao dịch tiếp theo là ngày cuối cùng để hai quỹ ETF là VNM và FTSE tiến hành tái cơ cấu danh mục nên những biến động mạnh trong phiên ATC có thể diễn ra, nhà đầu tư nên lưu ý việc này. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 20/12, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục nếu như ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 950 điểm được giữ vững. Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và có thể giải ngân thêm nếu như thị trường có những nhịp test lại ngưỡng hỗ trợ 940 điểm (đáy tháng 6/2019). Nhà đầu tư ngắn hạn có thể áp dụng chiến lược mua thấp bán cao (buy low sell high) trong giai đoạn này với ngưỡng hỗ trợ và kháng cự gần nhất quanh 950 điểm và 970 điểm.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 19/12/19

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index giảm điểm vào đầu phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 946,74 điểm. Nhưng từ khoảng 9h30 trở đi, lực cầu gia tăng khiến chỉ số vượt lên trên ngưỡng tham chiếu, với mức cao nhất trong phiên tại 955,85 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 1,13 điểm (+0,12%) lên 952,26 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB tăng 1.300 đồng, VNM tăng 1.100 đồng, HVN tăng 900 đồng. Ở chiều ngược lại, TCB giảm 350 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index tăng giảm giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen với nhau. Mức cao nhất và thấp trong phiên của chỉ số lần lượt tại 102,019 điểm và 101,293 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,2 điểm (+0,2%) lên 102 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: HHC tăng 9.700 đồng, MBS tăng 1.000 đồng, PVS tăng 100 đồng. Ở chiều ngược lại, VCS giảm 800 đồng.

## GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 193,41 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 5,6 triệu cổ phiếu. VNM là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 87,8 tỷ đồng tương ứng với 734 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VCB với 65,4 tỷ đồng tương ứng với 744 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VIC là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 40,9 tỷ đồng tương ứng với 354 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 3,57 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 220 nghìn cổ phiếu. SHB là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 3,8 tỷ đồng tương ứng với 618 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VNR với 875 triệu đồng tương ứng với 49,5 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HUT là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 1 tỷ đồng tương ứng với 403 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ - ĐẦU TƯ

### Moody's hạ triển vọng tín nhiệm của Việt Nam

Tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's Investors Service ("Moody's") vừa thông báo về việc giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam ở mức Ba3 đối với các khoản phát hành bằng đồng nội tệ và ngoại tệ và các khoản vay cao cấp không được bảo đảm, và điều chỉnh triển vọng xuống Tiêu cực, kết thúc thời gian đưa hồ sơ tín dụng của Việt Nam vào diện theo dõi hạ bậc kể từ ngày 9/10/2019.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index hồi phục nhẹ sau bốn phiên giảm điểm liên tiếp và chỉ số tiếp tục kết phiên trên ngưỡng hỗ trợ 950 điểm, khối lượng khớp lệnh giảm nhẹ so với phiên trước đó nhưng vẫn cao mức trung bình 20 phiên với 179 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 965 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 985 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 980 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 20/12, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục nếu như ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 950 điểm được giữ vững.

### HNX-Index:



HNX-Index hồi phục sau hai phiên giảm điểm liên tiếp và chỉ số hiện kết phiên dưới ngưỡng 102,5 điểm (MA20), khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với 21 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 102,5 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 104,5 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index hiện vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 105 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 20/12, HNX-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục với ngưỡng kháng cự gần nhất quanh 102,5 điểm (MA20).

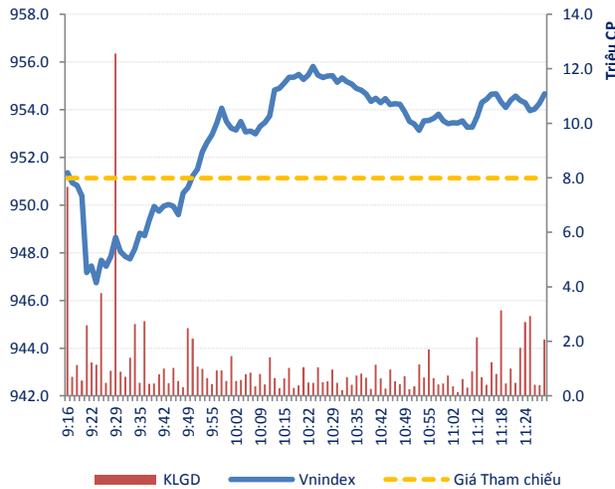


## TIN TRONG NƯỚC

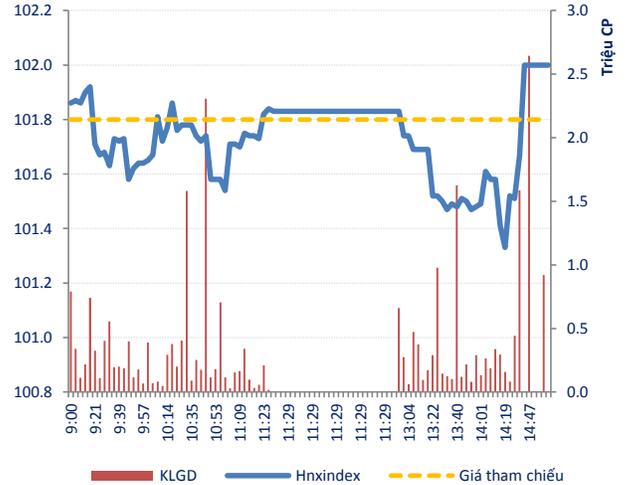
|  |  |
|--|--|
| <b>Giá vàng trong nước đi ngang</b>        | Tại thời điểm 15 giờ, Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI niêm yết giá vàng SJC ở mức 41,47 - 41,62 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 10.000 đồng/lượng ở chiều bán ra.  |
| <b>Tỷ giá trung tâm tăng 5 đồng</b>        | Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 19/12 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.163 VND/USD, tăng 5 đồng so với hôm qua.   |
| <b>Giá vàng thế giới giảm</b>              | Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới giảm 0,65 USD/ounce tương ứng 0,04% xuống mức 1.478,05 USD/ounce.  |
| <b>Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm</b>           | Tại thời điểm 15 giờ, chỉ số US Dollar Index (DXY) giảm 0,083 điểm tương ứng với 0,09% xuống 96,880 điểm. USD giảm so với EUR xuống mức: 1 EUR đổi 1,1132 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3110 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 109,58 JPY. |
| <b>Giá dầu thế giới giảm</b>               | Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WT giảm 0,05 USD/thùng tương ứng 0,08% xuống mức 60,8 USD/thùng.  |
| <b>Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều</b> | Kết thúc phiên giao dịch ngày 18/12, chỉ số Dow Jones giảm 27,88 điểm tương ứng 0,1% xuống 28.239,28 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 4,38 điểm tương ứng 0,05% lên 8.827,74 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 1,38 điểm tương ứng 0,04% xuống 3.191,14 điểm.                  |

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

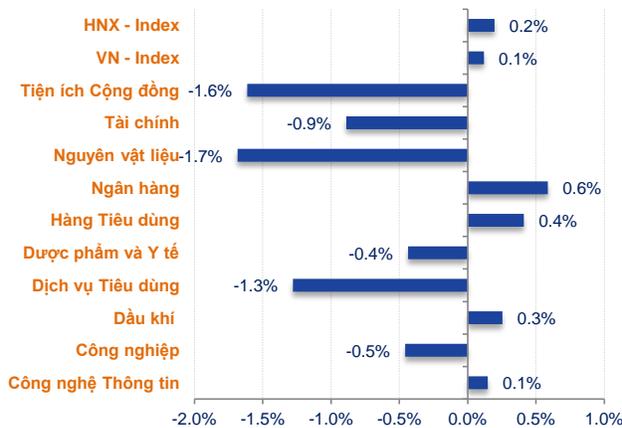
KLGD và VN-Index trong phiên



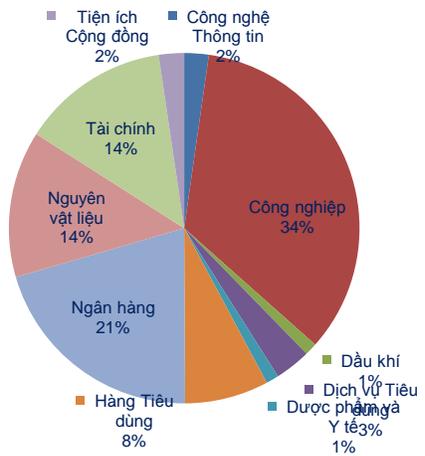
KLGD và HNX-Index trong phiên



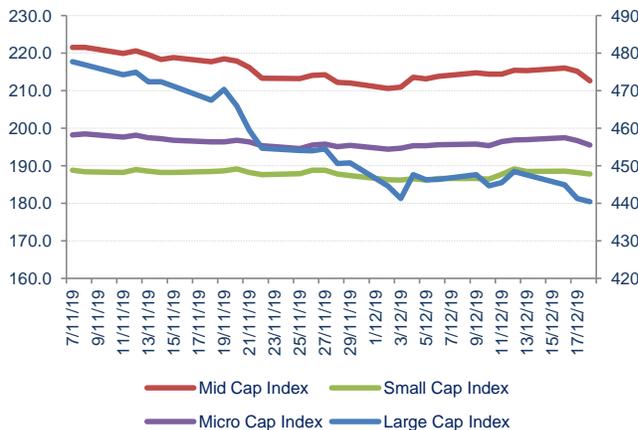
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



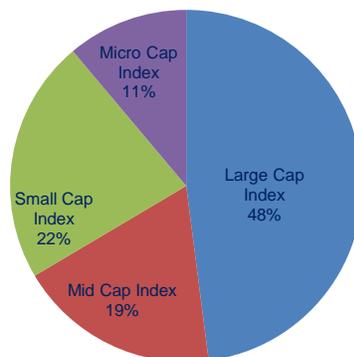
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK   | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|---------|-------------|-------|-------------|
| 1  | E1VFN30 | 2,129,150   | STB   | 921,480     |
| 2  | KBC     | 1,347,430   | ITA   | 528,920     |
| 3  | HPG     | 994,760     | VIC   | 353,820     |
| 4  | VCB     | 744,090     | HDB   | 199,000     |
| 5  | VNM     | 734,350     | MSN   | 119,100     |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | HUT   | 403,080     | SHB   | 617,900     |
| 2  | MST   | 39,400      | VNR   | 49,500      |
| 3  | MPT   | 31,900      | HDA   | 29,500      |
| 4  | TIG   | 17,500      | KLF   | 20,000      |
| 5  | LAS   | 10,100      | ART   | 10,000      |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| ROS | 24.00      | 23.70    | ↓ -1.25% | 33,662,550 |
| HAI | 4.00       | 3.72     | ↓ -7.00% | 12,877,590 |
| TCB | 22.70      | 22.35    | ↓ -1.54% | 12,846,590 |
| HPG | 22.55      | 22.80    | ↑ 1.11%  | 11,868,740 |
| AMD | 2.64       | 2.46     | ↓ -6.82% | 9,124,080  |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %       | KLGD      |
|-----|------------|----------|---------|-----------|
| SHB | 6.20       | 6.20     | → 0.00% | 2,917,570 |
| VCG | 26.90      | 26.90    | → 0.00% | 2,803,692 |
| KLF | 1.70       | 1.70     | → 0.00% | 2,525,416 |
| ART | 2.70       | 2.70     | → 0.00% | 2,328,211 |
| HUT | 2.50       | 2.50     | → 0.00% | 2,146,241 |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã       | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|----------|------------|----------|------|----------|
| CHPG1905 | 0.41       | 0.48     | 0.07 | ↑ 17.07% |
| CHPG1909 | 1.15       | 1.26     | 0.11 | ↑ 9.57%  |
| CVNM1904 | 0.83       | 0.90     | 0.07 | ↑ 8.43%  |
| PGI      | 16.50      | 17.65    | 1.15 | ↑ 6.97%  |
| PIT      | 2.90       | 3.10     | 0.20 | ↑ 6.90%  |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| NHP | 0.40       | 0.50     | 0.10 | ↑ 25.00% |
| HKB | 0.50       | 0.60     | 0.10 | ↑ 20.00% |
| VIG | 1.00       | 1.10     | 0.10 | ↑ 10.00% |
| MPT | 2.00       | 2.20     | 0.20 | ↑ 10.00% |
| HHC | 97.00      | 106.70   | 9.70 | ↑ 10.00% |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã       | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %         |
|----------|------------|----------|-------|-----------|
| CDPM1901 | 0.57       | 0.44     | -0.13 | ↓ -22.81% |
| CSBT1901 | 0.94       | 0.78     | -0.16 | ↓ -17.02% |
| CTCB1901 | 0.56       | 0.48     | -0.08 | ↓ -14.29% |
| CMBB1905 | 0.85       | 0.75     | -0.10 | ↓ -11.76% |
| CSTB1901 | 0.30       | 0.27     | -0.03 | ↓ -10.00% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %         |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| LUT | 3.00       | 2.70     | -0.30 | ↓ -10.00% |
| CSC | 38.70      | 34.90    | -3.80 | ↓ -9.82%  |
| BPC | 11.30      | 10.20    | -1.10 | ↓ -9.73%  |
| S74 | 5.20       | 4.70     | -0.50 | ↓ -9.62%  |
| MST | 5.20       | 4.70     | -0.50 | ↓ -9.62%  |

(\*) Giá điều chỉnh



## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD       | ROE     | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------------|---------|-------|------|-----|
| ROS | 33,662,550 | 2.9%    | 299   | 79.4 | 2.3 |
| HAI | 12,877,590 | 3250.0% | 265   | 14.0 | 0.3 |
| TCB | 12,846,590 | 16.8%   | 2,659 | 8.4  | 1.3 |
| HPG | 11,868,740 | 17.0%   | 2,664 | 8.6  | 1.4 |
| AMD | 9,124,080  | 1.9%    | 223   | 11.0 | 0.2 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD      | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 2,917,570 | 13.6% | 1,963 | 3.2  | 0.4 |
| VCG | 2,803,692 | 8.8%  | 1,563 | 17.2 | 1.8 |
| KLF | 2,525,416 | 0.9%  | 96    | 17.6 | 0.2 |
| ART | 2,328,211 | 5.1%  | 558   | 4.8  | 0.2 |
| HUT | 2,146,241 | 0.4%  | 51    | 48.7 | 0.2 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã     | +/-%    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|--------|---------|-------|-------|------|-----|
| HPG190 | ↑ 17.1% | N/A   | N/A   | N/A  | N/A |
| HPG190 | ↑ 9.6%  | N/A   | N/A   | N/A  | N/A |
| VNM190 | ↑ 8.4%  | N/A   | N/A   | N/A  | N/A |
| PGI    | ↑ 7.0%  | 10.4% | 1,711 | 10.3 | 1.1 |
| PIT    | ↑ 6.9%  | -0.5% | (44)  | -    | 0.4 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|---------|--------|---------|------|-----|
| NHP | ↑ 25.0% | -30.3% | (2,650) | -    | 0.1 |
| HKB | ↑ 20.0% | -39.2% | (2,770) | -    | 0.1 |
| VIG | ↑ 10.0% | -11.7% | (719)   | -    | 0.2 |
| MPT | ↑ 10.0% | 12.1%  | 1,329   | 1.7  | 0.2 |
| HHC | ↑ 10.0% | 10.6%  | 2,557   | 41.7 | 4.4 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã    | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-------|-----------|-------|-------|------|-----|
| VFVN3 | 2,129,150 | N/A   | N/A   | N/A  | N/A |
| KBC   | 1,347,430 | 7.5%  | 1,614 | 9.2  | 0.8 |
| HPG   | 994,760   | 17.0% | 2,664 | 8.6  | 1.4 |
| VCB   | 744,090   | 26.3% | 5,269 | 16.7 | 4.0 |
| VNM   | 734,350   | 38.2% | 6,134 | 19.5 | 7.6 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| HUT | 403,080 | 0.4%  | 51    | 48.7 | 0.2 |
| MST | 39,400  | 2.6%  | 314   | 14.9 | 0.5 |
| MPT | 31,900  | 12.1% | 1,329 | 1.7  | 0.2 |
| TIG | 17,500  | 6.9%  | 893   | 7.1  | 0.6 |
| LAS | 10,100  | 3.6%  | 407   | 15.2 | 0.6 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 390,081 | 4.0%  | 1,361 | 85.1 | 5.1 |
| VCB | 326,381 | 26.3% | 5,269 | 16.7 | 4.0 |
| VHM | 275,990 | 31.9% | 5,372 | 15.6 | 5.1 |
| VNM | 208,443 | 38.2% | 6,134 | 19.5 | 7.6 |
| GAS | 183,356 | 26.0% | 6,351 | 15.1 | 4.0 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACB | 37,272  | 25.1% | 3,575 | 6.3  | 1.5 |
| VCS | 13,152  | 45.7% | 8,586 | 9.6  | 4.2 |
| VCG | 11,882  | 8.8%  | 1,563 | 17.2 | 1.8 |
| PVS | 8,556   | 7.7%  | 2,057 | 8.7  | 0.7 |
| SHB | 7,459   | 13.6% | 1,963 | 3.2  | 0.4 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| TTB | 4.65 | 7.1%   | 790     | 4.6  | 0.3 |
| TSC | 3.80 | 0.4%   | 45      | 61.5 | 0.3 |
| MCG | 3.06 | 1.4%   | 112     | 16.5 | 0.4 |
| HCM | 2.67 | 10.3%  | 1,448   | 14.7 | 1.5 |
| CLG | 2.48 | -62.2% | (5,548) | -    | 0.6 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------|-------|-------|-------|-----|
| MBG | 5.30 | 2.4%  | 272   | 89.9  | 2.3 |
| HTP | 3.72 | -0.5% | (61)  | -     | 0.6 |
| VC9 | 3.51 | 0.2%  | 26    | 446.8 | 0.8 |
| SPI | 3.37 | -0.1% | (11)  | -     | 0.1 |
| SFN | 3.24 | 8.7%  | 1,585 | 20.6  | 1.8 |



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung  
Q.Thanh Khê, Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779

---